ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2584/QĐ-ĐHYD	*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận đạt kết quả kỳ thi
Đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra đợt 3 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHYD ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-ĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 2098/ĐHTN-ĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-ĐHYD ngày 24/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược về việc ban hành Chuẩn năng lực ngoại ngữ của sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra đợt 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra đợt 3 năm 2021 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên cho 110 thí sinh:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng các phòng: Thanh tra khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đào tạo, Công tác học sinh sinh viên, Kế hoạch - Tài chính; bộ môn Ngoại ngữ và các thí sinh có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:
- ĐHTN (để báo cáo);
- Như Điều 2;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, TT-KT&ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT 3 - NĂM 2021

Kèm theo Quyết định số 2584/QĐ-ĐHYD ngày 06/12/2021

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	Điểm các kỹ năng			Tổng điểm	Đánh giá	
						Đọc - Viết	Nghe hiểu	Nói		Cấp độ	Đạt Chuẩn đầu ra
1	DTY1657201010008	Nguyễn Tuấn	Anh	24/12/1998	Y.K49B	60	25	15	100	B1	Đạt
2	DTY1457201010039	Nguyễn Văn	Cường	09/03/1995	Y.K47E	60	25	15	100	B1	Đạt
3	DTY1757204010019	Bùi Thị Thùy	Dung	10/11/1999	DUOC.K13A	60	25	15	100	B1	Đạt
4	DTY1757204010024	Lê Văn	Đạt	01/11/1999	DUOC.K13B	60	25	15	100	B1	Đạt
5	DTY1757204010025	Trần Hương	Giang	24/06/1999	DUOC.K13A	60	25	15	100	B1	Đạt
6	DTY1557201010649	Phan Lê	Hàn	15/11/1996	SB_K48	60	25	15	100	B1	Đạt
7	DTY1557201010650	Lã Thị	Hạnh	15/07/1995	SB_K48	60	25	15	100	B1	Đạt
8	DTY1757204010034	Trần Thị Thu	Hiền	01/12/1999	DUOC.K13A	60	25	15	100	B1	Đạt
9	DTY1557201010189	Bùi Linh	Hiếu	27/03/1997	Y.K48A	60	25	15	100	B1	Đạt
10	DTY1757204010040	Hoàng Thảo	Huế	28/09/1998	DUOC.K13A	60	25	15	100	B1	Đạt
11	DTY1557201010661	Hoàng Mạnh	Hùng	05/11/1996	SB_K48	60	25	15	100	B1	Đạt
12	DTY1757204010052	Nguyễn Xuân	Huy	28/07/1998	DUOC.K13B	60	25	15	100	B1	Đạt
13	DTY1757204010054	Lê Ngọc	Huyền	10/08/1999	DUOC.K13A	60	25	15	100	B1	Đạt
14	DTY1557201010667	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	23/02/1995	SB_K48	60	25	15	100	B1	Đạt
15	DTY1757204010002	Nguyễn Thị Mai	Anh	16/07/1999	DUOC.K13B	60	25	14	99	B1	Đạt
16	DTY1757204010008	Vũ Thị	Ánh	21/11/1999	DUOC.K13A	60	25	14	99	B1	Đạt
17	DTY1657201010023	Hoàng Thanh	Bình	09/04/1998	Y.K49B	60	25	14	99	B1	Đạt
18	DTY1757204010020	Lê Văn	Dũng	02/08/1999	DUOC.K13B	60	25	14	99	B1	Đạt
19	DTY1757204010022	Phạm Thị Hồng	Duyên	26/11/1999	DUOC.K13A	59	25	15	99	B1	Đạt
20	DTY1557201010642	Nguyễn Văn	Đồng	18/03/1996	SB_K48	59	25	15	99	B1	Đạt
21	DTY1557201010130	Đỗ Thị Hà	Đức	09/11/1997	Y.K48A	60	25	14	99	B1	Đạt
22	DTY1657201010066	Nguyễn Mạnh	Hà	05/06/1998	Y.K49B	59	25	15	99	B1	Đạt
23	DTY1557201010172	Hoàng Bích	Hạnh	05/11/1995	Y.K48D	59	25	15	99	B1	Đạt
24	DTY1757204010038	Nguyễn Đình	Hoàng	21/07/1998	DUOC.K13B	60	25	14	99	B1	Đạt
25	DTY1757204010037	Trịnh Thanh	Hoàng	28/09/1999	DUOC.K13A	59	25	15	99	B1	Đạt
26	DTY1557201010688	Phạm Xuân	Phương	06/09/1993	SB_K48	60	25	14	99	B1	Đạt
27	DTY1757204010110	Hà Ngọc	Tân	03/01/1998	DUOC.K13B	60	25	14	99	B1	Đạt
28	DTY1557201010717	Cao Quý	Tư	21/06/1995	SB_K48	59	25	15	99	B1	Đạt
29	DTY1757204010005	Nguyễn Thị Tú	Anh	05/12/1999	DUOC.K13B	59	25	14	98	B1	Đạt
30	DTY1757204010015	Toán Thị	Cúc	24/02/1999	DUOC.K13A	59	25	14	98	B1	Đạt
31	DTY1357201010079	Phạm Chí	Cường	02/10/1994	K46B	60	25	13	98	B1	Đạt
32	DTY1557201010140	Nguyễn Thị Vân	Hà	28/02/1996	Y.K48G	59	25	14	98	B1	Đạt
33	DTY1757204010029	Phó Thị	Hải	10/09/1999	DUOC.K13A	58	25	15	98	B1	Đạt
34	DTY1757204010112	Đỗ Thị Phương	Thảo	21/06/1999	DUOC.K13A	60	25	13	98	B1	Đạt
35	DTY1757204010117	Phạm Phương	Thảo	09/10/1999	DUOC.K13B	60	25	13	98	B1	Đạt
36	DTY1757204010113	Trần Thị Hương	Thảo	20/11/1997	DUOC.K13A	60	25	13	98	B1	Đạt
37	DTY1757204010123	Dương Thị	Thúy	14/11/1999	DUOC.K13B	60	25	13	98	B1	Đạt

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	Điểm các kỹ năng			Tổng điểm	Đánh giá	
						Đọc - Viết	Nghe hiểu	Nói		Cấp độ	Đạt Chuẩn đầu ra
38	DTY1757204010126	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/01/1998	DUOC.K13A	60	25	13	98	B1	Đạt
39	DTY1557201010591	Hoàng Thị	Tuyết	25/04/1997	Y.K48A	60	25	13	98	B1	Đạt
40	DTY1557201010035	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	11/11/1996	Y.K48A	60	25	12	97	B1	Đạt
41	DTY1757204010010	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	07/11/1999	DUOC.K13B	58	25	14	97	B1	Đạt
42	DTY1557201010636	Đoàn Hồng	Chiến	28/09/1995	SB_K48	60	25	12	97	B1	Đạt
43	DTY1457203020009	Diệp Văn Bảo	Duy	21/02/1996	YHDP.K9A	59	25	13	97	B1	Đạt
44	DTY1557201010639	Trần Khắc	Đáng	18/09/1996	SB_K48	59	25	13	97	B1	Đạt
45	DTY1557201010129	Phạm Tuấn	Đức	19/11/1997	Y.K48D	57	25	15	97	B1	Đạt
46	DTY1757204010032	Phan Thị Mỹ	Hạnh	20/04/1999	DUOC.K13A	57	25	15	97	B1	Đạt
47	DTY1757205010024	Đinh Huy	Hoàng	16/10/1999	CNDDCQ.K14B	59	25	13	97	B1	Đạt
48	DTY1357203020085	Mai Phi	Hùng	10/05/1995	YHDP.K7B	60	25	12	97	B1	Đạt
49	DTY1757204010046	Nguyễn Lan	Hương	07/09/1999	DUOC.K13A	60	25	12	97	B1	Đạt
50	DTY1757204010045	Nguyễn Thị	Hương	07/01/1998	DUOC.K13B	60	25	12	97	B1	Đạt
51	DTY1757204010047	Nguyễn Thị	Hương	03/02/1998	DUOC.K13A	60	25	12	97	B1	Đạt
52	DTY1757204010048	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/07/1999	DUOC.K13B	60	25	12	97	B1	Đạt
53	DTY1757204010059	Lê Hồng	Khanh	05/10/1999	DUOC.K13A	60	25	12	97	B1	Đạt
54	DTY1757204010063	Chu Ngọc	Linh	25/08/1999	DUOC.K13B	58	25	14	97	B1	Đạt
55	DTY1757204010066	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	28/02/1999	DUOC.K13A	60	25	12	97	B1	Đạt
56	DTY1757204010069	Tống Khánh	Linh	29/11/1999	DUOC.K13A	60	25	12	97	B1	Đạt
57	DTY1557201010674	Vũ Thị Hồng	Loan	04/08/1996	SB_K48	60	25	12	97	B1	Đạt
58	DTY1557201010361	Nguyễn Thu	Nga	30/05/1997	Y.K48A	59	25	13	97	B1	Đạt
59	DTY1557201010443	Lương Lệ	Quỳnh	04/12/1996	Y.K48I	59	25	13	97	B1	Đạt
60	DTY1757204010105	Nguyễn Như	Quỳnh	28/09/1999	DUOC.K13B	60	25	12	97	B1	Đạt
61	DTY1757204010109	Giàng A	Sổ	06/07/1999	DUOC.K13B	60	25	12	97	B1	Đạt
62	DTY1757204010118	Đỗ Thị Ngọc	Thảo	24/04/1999	DUOC.K13B	60	25	12	97	B1	Đạt
63	DTY1757204010115	Trần Thị Phương	Thảo	27/11/1999	DUOC.K13A	60	25	12	97	B1	Đạt
64	DTY1757204010124	Liễu Thanh	Thúy	04/11/1999	DUOC.K13A	59	25	13	97	B1	Đạt
65	DTY1557201010573	Hoàng Anh	Tú	07/12/1994	Y.K48A	60	25	12	97	B1	Đạt
66	DTY1357201010008	Lê Đức	Anh	28/05/1993	K46B	57	25	14	96	B1	Đạt
67	DTY1757204010003	Nguyễn Hoàng	Anh	06/12/1999	DUOC.K13B	58	25	13	96	B1	Đạt
68	DTY1757204010016	Bùi Mạnh	Cường	08/12/1999	DUOC.K13B	59	25	12	96	B1	Đạt
69	DTY1557201010072	Nguyễn Thanh	Cường	24/05/1995	Y.K48H	59	25	12	96	B1	Đạt
70	DTY1557201010071	Phạm Tuấn	Cường	06/04/1996	Y.K48E	59	24	13	96	B1	Đạt
71	DTY1557201010106	Lê Khương	Duy	20/07/1996	Y.K48D	59	25	12	96	B1	Đạt
72	DTY1357201010113	Nguyễn Quang	Duy	03/08/1994	K46A	56	25	15	96	B1	Đạt
73	DTY1557204010030	Lê Mai Hồng	Hạnh	10/04/1994	DHDuoc.K12A	57	25	14	96	B1	Đạt
74	DTY1757201010111	Nguyễn Minh	Hiếu	19/09/1999	Y.K50A	56	25	15	96	B1	Đạt
75	DTY1757204010042	Long Thị	Huệ	09/08/1998	DUOC.K13A	57	25	14	96	B1	Đạt
76	DTY1357201010271	Vương Thu	Hương	04/11/1994	K46G	60	25	11	96	B1	Đạt
77	DTY1757204010051	Lã Diệu	Hường	24/06/1999	DUOC.K13A	58	25	13	96	B1	Đạt
78	DTY1757204010050	Trần Thị	Hường	28/03/1998	DUOC.K13A	59	25	12	96	B1	Đạt
79	DTY1757204010073	Nguyễn Thị	Luyến	25/02/1999	DUOC.K13A	59	25	12	96	B1	Đạt
80	DTY1757204010078	Nguyễn Thị	Nga	11/11/1999	DUOC.K13B	60	25	11	96	B1	Đạt

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	Điểm các kỹ năng			Tổng điểm	Đánh giá	
						Đọc - Viết	Nghe hiểu	Nói		Cấp độ	Đạt Chuẩn đầu ra
81	DTY1757204010088	Trần Thị Thảo	Nhi	07/11/1999	DUOC.K13A	59	25	12	96	B1	Đạt
82	DTY1757204010101	Lê Anh	Quân	25/11/1998	DUOC.K13B	59	25	12	96	B1	Đạt
83	DTY1557201010694	Mùa A	Sáy	07/12/1994	SB_K48	60	25	11	96	B1	Đạt
84	DTY1557201010466	Lèng Văn	Thái	14/09/1996	Y.K48G	59	25	12	96	B1	Đạt
85	DTY1657201010244	Đỗ Văn	Thao	08/12/1998	Y.K49B	60	25	11	96	B1	Đạt
86	DTY1757204010121	Đào Thị Xuân	Thu	14/08/1999	DUOC.K13A	60	25	11	96	B1	Đạt
87	DTY1557201010509	Hoàng Thị	Thưởng	24/07/1996	Y.K48A	59	25	12	96	B1	Đạt
88	DTY1757204010127	Chu Thị	Trang	19/02/1999	DUOC.K13A	59	25	12	96	B1	Đạt
89	DTY1557201010713	Đinh Ngọc	Trân	02/11/1995	SB_K48	60	25	11	96	B1	Đạt
90	DTY1557201010565	Vũ Trí	Trung	24/06/1995	Y.K48A	60	25	11	96	B1	Đạt
91	DTY1557201010003	Bùi Thị Quỳnh	Anh	05/11/1996	Y.K48G	58	25	12	95	B1	Đạt
92	DTY1557201010637	Đỗ Văn	Chúc	07/02/1995	SB_K48	58	25	12	95	B1	Đạt
93	DTY1557201010104	Hà Huy	Duy	09/07/1997	Y.K48E	58	25	12	95	B1	Đạt
94	DTY1357201010238	Phạm Thị	Hồng	25/02/1993	K46D	56	25	14	95	B1	Đạt
95	DTY1757204010060	Ngô Thị	Lâm	18/11/1999	DUOC.K13A	60	25	10	95	B1	Đạt
96	DTY1557201010669	Ngô Đức	Linh	16/11/1995	SB_K48	60	25	10	95	B1	Đạt
97	DTY1557206010049	Nguyễn Thị	Thanh	19/02/1997	YRHM.K8	58	25	12	95	B1	Đạt
98	DTY1557201010069	Phạm Văn Tiến	Cương	23/10/1994	Y.K48C	54	25	15	94	B1	Đạt
99	DTY1557201010257	Cao Đoan	Khang	11/06/1996	Y.K48G	58	25	11	94	B1	Đạt
100	DTY1557201010275	Nguyễn Thị	Lan	25/09/1997	Y.K48E	57	25	12	94	B1	Đạt
101	DTY1757204010071	Tống Thị	Loan	05/10/1999	DUOC.K13A	58	25	11	94	B1	Đạt
102	DTY1557201010348	Nguyễn Công	Minh	07/02/1997	Y.K48C	57	25	12	94	B1	Đạt
103	DTY1557201010710	Trần Thị Phương	Thúy	06/10/1995	SB_K48	58	25	11	94	B1	Đạt
104	DTY1457201010351	Phạm Hoàng	Tùng	13/06/1995	Y.K47G	58	25	11	94	B1	Đạt
105	DTY1757204010138	Nguyễn Thị	Xoan	10/01/1999	DUOC.K13A	56	25	12	93	B1	Đạt
106	DTY1457201010071	Thân Ngọc	Hà	19/07/1996	Y.K47D	55	25	12	92	B1	Đạt
107	DTY1457201010172	Phạm Thị	Linh	12/07/1994	Y.K47E	57	25	10	92	B1	Đạt
108	DTY1557201010341	Nông Đức	Mạnh	28/01/1994	Y.K48A	57	25	10	92	B1	Đạt
109	DTY1457201010250	Phạm Hà	Phương	15/04/1996	Y.K47A	54	25	10	89	A2	Đạt
110	DTY1557203020076	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/04/1996	YHDP.K9A	53	25	11	89	A2	Đạt

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng